

PHỤ LỤC II.1
MỨC GIÁ DỊCH VỤ NGÀY GIƯỜNG ĐIỀU TRỊ

(Kèm theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 30/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi)

Áp dụng tại: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi; Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi 2

Đơn vị: đồng

TT	Dịch vụ kỹ thuật	Mức giá	Ghi chú
1	Ngày điều trị Hồi sức tích cực (ICU)/ghép tạng hoặc ghép tủy hoặc ghép tế bào gốc	928.100	
2	Ngày giường bệnh Hồi sức cấp cứu	558.600	
3	Ngày giường bệnh Nội khoa:		
3.1	Loại 1: Các khoa: Truyền nhiễm, Hô hấp, Huyết học, Ung thư, Tim mạch, Tâm thần, Thần kinh, Lão, Nhi, Tiêu hoá, Thận học, Nội tiết; Dị ứng (đối với bệnh nhân dị ứng thuốc nặng: Stevens Jonhson hoặc Lyell)	305.500	
3.2	Loại 2: Các Khoa: Cơ-Xương-Khớp, Da liễu, Dị ứng, Tai-Mũi-Họng, Mắt, Răng-Hàm-Mặt, Ngoại, Phụ Sản không mổ; YHDT hoặc PHCN cho nhóm người bệnh tổn thương tùy sống, tai biến mạch máu não, chấn thương sọ não.	273.800	
3.3	Loại 3: Các khoa: YHDT, Phục hồi chức năng	232.900	
4	Ngày giường bệnh ngoại khoa, bỏng:		
4.1	Loại 1: Sau các phẫu thuật loại đặc biệt; Bỏng độ 3-4 trên 70% diện tích cơ thể	400.400	
4.2	Loại 2: Sau các phẫu thuật loại 1; Bỏng độ 3-4 từ 25-70% diện tích cơ thể	364.400	
4.3	Loại 3: Sau các phẫu thuật loại 2; Bỏng độ 2 trên 30% diện tích cơ thể, Bỏng độ 3-4 dưới 25% diện tích cơ thể	320.700	

TT	Dịch vụ kỹ thuật	Mức giá	Ghi chú
4.4	Loại 4: Sau các phẫu thuật loại 3; Bỏng độ 1, độ 2 dưới 30% diện tích cơ thể	286.700	
5	Ngày giường bệnh ban ngày	Được tính bằng 0,3 lần giá ngày giường của các khoa và loại phòng tương ứng	

Ghi chú: Giá ngày giường điều trị nội trú chưa bao gồm chi phí máy thở và khí y tế.

PHỤ LỤC II.2

MỨC GIÁ DỊCH VỤ NGÀY GIƯỜNG ĐIỀU TRỊ

(Kèm theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 30/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi)

Áp dụng tại: Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Quảng Ngãi; Bệnh viện Lao và bệnh phổi tỉnh Quảng Ngãi; Bệnh viện Tâm thần tỉnh Quảng Ngãi; Bệnh viện đa khoa khu vực Ngọc Hồi.

Đơn vị: đồng

TT	Dịch vụ kỹ thuật	Mức giá	Ghi chú
1	Ngày điều trị Hồi sức tích cực (ICU)/ghép tạng hoặc ghép tủy hoặc ghép tế bào gốc	799.600	
2	Ngày giường bệnh Hồi sức cấp cứu	418.500	
3	Ngày giường bệnh Nội khoa:		
3.1	Loại 1: Các khoa: Truyền nhiễm, Hô hấp, Huyết học, Ung thư, Tim mạch, Tâm thần, Thần kinh, Lão, Nhi, Tiêu hoá, Thận học, Nội tiết; Dị ứng (đối với bệnh nhân dị ứng thuốc nặng: Stevens Jonhson hoặc Lyell)	257.100	
3.2	Loại 2: Các Khoa: Cơ-Xương-Khớp, Da liễu, Dị ứng, Tai-Mũi-Họng, Mắt, Răng-Hàm-Mặt, Ngoại, Phụ Sản không mổ; YHDT hoặc PHCN cho nhóm người bệnh tổn thương tủy sống, tai biến mạch máu não, chấn thương sọ não.	222.300	
3.3	Loại 3: Các khoa: YHDT, Phục hồi chức năng	177.300	
4	Ngày giường bệnh ngoại khoa, bỏng:		
4.1	Loại 1: Sau các phẫu thuật loại đặc biệt; Bỏng độ 3-4 trên 70% diện tích cơ thể	341.800	
4.2	Loại 2: Sau các phẫu thuật loại 1; Bỏng độ 3-4 từ 25 -70% diện tích cơ thể	301.600	
4.3	Loại 3: Sau các phẫu thuật loại 2; Bỏng độ 2 trên 30% diện tích cơ thể, Bỏng độ 3-4 dưới 25% diện tích cơ thể	269.200	
4.4	Loại 4: Sau các phẫu thuật loại 3; Bỏng độ 1, độ 2 dưới 30% diện tích cơ thể	229.200	

TT	Dịch vụ kỹ thuật	Mức giá	Ghi chú
5	Ngày giường bệnh ban ngày	Được tính bằng 0,3 lần giá ngày giường của các khoa và loại phòng tương ứng	

Ghi chú: Giá ngày giường điều trị nội trú chưa bao gồm chi phí máy thở và khí y tế.

PHỤ LỤC II.3
MỨC GIÁ DỊCH VỤ NGÀY GIƯỜNG ĐIỀU TRỊ

(Kèm theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 30/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi)

Áp dụng tại: Bệnh viện đa khoa khu vực Đặng Thùy Trâm; Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Quảng Ngãi; Bệnh viện Nội tiết tỉnh Quảng Ngãi; Bệnh viện Y Dược cổ truyền - Phục hồi chức năng Kon Tum; Trung tâm Điều trị và nuôi dưỡng người bệnh tâm thần Kon Tum; Trung tâm Mắt tỉnh Quảng Ngãi; Trung tâm Y tế Quảng Ngãi; Trung tâm Y tế Tư Nghĩa; Trung tâm Y tế Mộ Đức; Trung tâm Y tế Sơn Tịnh; Trung tâm Y tế Bình Sơn; Trung tâm Y tế Nghĩa Hành; Trung tâm Y tế Minh Long; Trung tâm Y tế Ba Tơ; Trung tâm Y tế Sơn Hà; Trung tâm Y tế Trà Bồng - Cơ sở 1; Trung tâm Y tế Trà Bồng - Cơ sở 2; Trung tâm Y tế Sơn Tây; Trung tâm Y tế Quân Dân y đặc khu Lý Sơn; Trung tâm Y tế Đăk Hà; Trung tâm Y tế Đăk Tô; Trung tâm Y tế Tu Mơ Rông; Trung tâm Y tế Đăk Glei; Trung tâm Y tế Sa Thầy; Trung tâm Y tế Kon Rẫy; Trung tâm Y tế Kon Plông; Trung tâm Y tế Ia H'Drai.

Đơn vị: đồng

TT	Dịch vụ kỹ thuật	Mức giá	Ghi chú
1	Ngày điều trị Hồi sức tích cực (ICU)/ghép tạng hoặc ghép tủy hoặc ghép tế bào gốc		
2	Ngày giường bệnh Hồi sức cấp cứu	364.400	
3	Ngày giường bệnh Nội khoa:		
3.1	Loại 1: Các khoa: Truyền nhiễm, Hô hấp, Huyết học, Ung thư, Tim mạch, Tâm thần, Thần kinh, Lão, Nhi, Tiêu hoá, Thận học, Nội tiết; Dị ứng (đối với bệnh nhân dị ứng thuốc nặng: Stevens Jonhson hoặc Lyell)	245.000	
3.2	Loại 2: Các Khoa: Cơ-Xương-Khớp, Da liễu, Dị ứng, Tai-Mũi-Họng, Mắt, Răng-Hàm-Mặt, Ngoại, Phụ Sản không mổ; YHDT hoặc PHCN cho nhóm người bệnh tổn thương tủy sống, tai biến mạch máu não, chấn thương sọ não.	211.000	
3.3	Loại 3: Các khoa: YHDT, Phục hồi chức năng	169.200	
4	Ngày giường bệnh ngoại khoa, bỏng:		
4.1	Loại 1: Sau các phẫu thuật loại đặc biệt; Bỏng độ 3-4 trên 70% diện tích cơ thể		

TT	Dịch vụ kỹ thuật	Mức giá	Ghi chú
4.2	Loại 2: Sau các phẫu thuật loại 1; Bỏng độ 3-4 từ 25 -70% diện tích cơ thể	272.200	
4.3	Loại 3: Sau các phẫu thuật loại 2; Bỏng độ 2 trên 30% diện tích cơ thể, Bỏng độ 3-4 dưới 25% diện tích cơ thể	241.300	
4.4	Loại 4: Sau các phẫu thuật loại 3; Bỏng độ 1, độ 2 dưới 30% diện tích cơ thể	202.300	
5	Ngày giường bệnh ban ngày	Được tính bằng 0,3 lần giá ngày giường của các khoa và loại phòng tương ứng	

Ghi chú: Giá ngày giường điều trị nội trú chưa bao gồm chi phí máy thở và khí y tế.

PHỤ LỤC II.4
MỨC GIÁ DỊCH VỤ NGÀY GIƯỜNG ĐIỀU TRỊ

(Kèm theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 30/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi)

Áp dụng tại: Phòng khám đa khoa khu vực Đăk Rơ Ông; Phòng khám đa khoa khu vực Đăk Môn; Phòng khám đa khoa khu vực Đăk Rve.

Đơn vị: đồng

TT	Dịch vụ kỹ thuật	Mức giá	Ghi chú
	Ngày giường bệnh Nội khoa:		
1.1	Loại 1: Các khoa: Truyền nhiễm, Hô hấp, Huyết học, Ung thư, Tim mạch, Tâm thần, Thần kinh, Nhi, Tiêu hoá, Thận học; Nội tiết; Dị ứng (đối với bệnh nhân dị ứng thuốc nặng: Stevens Jonhson/ Lyell)	219.100	
1.2	Loại 2: Các Khoa: Cơ - Xương - Khớp, Da liễu, Dị ứng, Tai - Mũi - Họng, Mắt, Răng - Hàm - Mặt, Ngoại, Phụ Sản không mổ; YHDT/ PHCN cho nhóm người bệnh tổn thương tủy sống, tai biến mạch máu não, chấn thương sọ não.	188.000	
1.3	Loại 3: Các khoa: YHDT, Phục hồi chức năng	156.300	
Ghi chú: Giá ngày giường điều trị nội trú chưa bao gồm chi phí máy thở và khí y tế.			

PHỤ LỤC II.5
MỨC GIÁ DỊCH VỤ NGÀY GIƯỜNG ĐIỀU TRỊ

(Kèm theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 30/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi)

Áp dụng tại: Phòng khám đa khoa khu vực Tịnh Khê; Phòng khám đa khoa khu vực Tịnh Bắc; Phòng khám đa khoa cơ sở 2 An Bình; Trạm Y tế.

Đơn vị: đồng

TT	Dịch vụ kỹ thuật	Mức giá	Ghi chú
1	Ngày giường	78.100	
2	Ngày giường bệnh ban ngày	Được tính bằng 0,3 lần giá ngày giường của các khoa và loại phòng tương ứng	

Ghi chú: Giá ngày giường điều trị nội trú chưa bao gồm chi phí máy thở và khí y tế.